

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TRÀ VINH
TỈNH TRÀ VINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 16/2018/DS- ST
Ngày: 27 -6-2018
“V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TRÀ VINH, TỈNH TRÀ VINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Giáp Trà Giang

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Trường Sơn

2. Ông Lê Văn Cao

Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Hồng Nhả - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Quang Hậu, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 336/2017/TLST-DS ngày 23 tháng 10 năm 2017, về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2017/QĐST-DS ngày 11 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1975

Địa chỉ: số 26 – 28 B, phường A, thành phố V, tỉnh V.

- *Người đại diện hợp pháp:* Bà Nguyễn Thị Bích T, sinh năm 1976

Địa chỉ: số 26 – 28 B, phường A, thành phố V, tỉnh V. Theo văn bản ủy quyền được chứng thực số 193 ngày 19/12/2017.

- *Bị đơn:* Bà Trần Thị P (vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm A, phường B, thành phố V, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Thanh T và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích T trình bày:

Ngày 12/8/2015, bà Trần Thị P có đến Doanh nghiệp tư (DNTN) nhân T do ông Nguyễn Thanh T làm chủ hỏi mua vật tư xây dựng nhà ở tại Khóm A, phường B, thành phố V, tỉnh Trà Vinh. Sau khi thỏa thuận việc mua bán xong, từ ngày 12/8/2015 đến ngày 16/10/2015, DNTN T đã giao cho bà Trần Thị P tổng số vật tư trị giá là 256.387.000 đồng. Trong thời gian này bà Trần Thị P đã thanh toán được 156.387.000 đồng, còn lại 100.000.000 đồng bà P đã ký xác nhận nợ vào ngày 16/8/2016 nhưng đến nay chưa thanh toán. Nay ông Nguyễn Thanh T khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị P phải trả cho ông số tiền 100.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 16/8/2016 đến ngày 25/7/2017, lãi suất 1,125% là 12.375.000 đồng.

- Bị đơn bà Trần Thị P vắng mặt tất cả các lần triệu tập của Tòa nên không có lời khai.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhận định toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Trần Thị P đã được tổng đạt hợp lệ lần thứ hai để xét xử nhưng bị đơn vắng mặt. Căn cứ quy định tại 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Trần Thị P.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nhận thấy: Căn cứ vào các chứng cứ nguyên đơn đã cung cấp bao gồm các hóa đơn giao nhận hàng từ 12/8/2015 đến ngày 16/10/2015 và lời khai của ông Phan Thành K là chủ thầu xây dựng nhà cho bà Trần Thị P; ông Nguyễn Khánh T, ông Từ Minh T là người giao hàng thuê cho DNTN T và lời khai của bà Bùi Thị A là mẹ ruột của bà Trần Thị P đã thể hiện được từ ngày 12/8/2015 đến ngày 16/10/2015 bà Trần Thị P có mua vật tư xây dựng tại DNTN T là sự thật. Về số tiền 100.000.000 đồng nguyên đơn cho rằng bị đơn còn nợ của nguyên đơn là có cơ sở, bởi tại nội dung phiếu thu tiền ngày 15/9/2016 mẹ của bị đơn là bà Bùi Thị A có ký trả cho nguyên đơn số tiền 25.000.000 đồng thay cho bị đơn và xác nhận bị đơn còn nợ nguyên đơn 100.000.000 đồng. Đến ngày 24/3/2017, bị đơn bà Trần Thị P ký xác nhận còn nợ DNTN T 100.000.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần thông báo cho bị đơn biết về nội dung và chứng cứ khởi kiện của nguyên đơn, được bà Bùi Thị A là mẹ ruột của bị đơn xác nhận bị đơn đã biết về việc nguyên đơn khởi kiện do bà A đã nhận thay thông báo thụ lý, thông báo hòa giải và đã thông báo lại cho bị đơn biết nhưng bị đơn không có mặt theo triệu tập của Tòa, đồng thời bị đơn cũng không có ý kiến phản hồi về nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Như vậy, Tòa nhận định bị đơn bà Trần Thị P đã từ bỏ quyền được phản bác đối

với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và xem như bị đơn đã mặc nhiên thừa nhận số nợ 100.000.000 đồng mà nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn.

Về tiền lãi, tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi tính lãi phát sinh từ ngày 16/8/2016 đến ngày 25/7/2017, lãi suất 1,125% là 12.375.000 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14, bị đơn phải chịu toàn bộ án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26; Điều 35; Điều 91; Điều 92; Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 305; Điều 428; Điều 438 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 357; Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh T.

Buộc bà Trần Thị P phải thanh toán cho ông Nguyễn Thanh T số tiền 112.375.000 đồng (Một trăm mười hai triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Trong đó:

- Tiền gốc là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng)
- Tiền lãi từ ngày 16/8/2016 đến ngày 25/7/2017 là 12.375.000 đồng (mười hai triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Buộc bà Trần Thị P phải chịu 5.618.750. đồng (Năm triệu sáu trăm mười tám nghìn bảy trăm năm mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Nguyễn Thanh T số tiền 2.900.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0014271 ngày 23/10/2017 của Chi Cục thi hành án dân sự thành phố Trà Vinh.

Đương sự có mặt tại phiên tòa biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được thông đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TV;
- VKSND TPTV;
- Chi cục THADSTPTV;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Giáp Trà Giang